



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

Thôn Cầu Liêu, xã Tây Phương, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội

MỤC LỤC

Trang

1- BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	03 - 04
3- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	05 - 06
4- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	07 - 08
5- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình Báo cáo tài chính Hợp nhất cho Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 08 năm 2025. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 254.098.930.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh các sản phẩm van nội thất, các sản phẩm từ plastics, thương mại nguyên liệu bột nhựa PVC và các phụ gia hóa chất ngành nhựa.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch
Bà	Đào Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông	Đỗ Hải Đăng	Thành viên
Ông	Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Bà	Đỗ Thị Hường	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2025)
Bà	Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban (Miễn nhiệm kể từ ngày 15/04/2025)
Bà	Đỗ Thị Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 15/04/2025)
Bà	Nguyễn Thị Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2025)
Bà	Đàm Ngọc Ánh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau

Bà Đào Thị Kim Oanh Tổng Giám đốc

4. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

5. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đa thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025



Đào Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.027.746.626	104.946.605.247
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.569.265.238	22.777.042.455
1. Tiền	111		21.867.422.389	22.777.042.455
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.701.842.849	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.644.844.599	29.963.627.338
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	8.644.844.599	6.974.688.533
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(11.061.195)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.000.000.000	23.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.745.726.554	1.641.802.751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.491.565.942	168.394.410
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	211.502.593	459.976.969
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	42.658.019	1.013.431.372
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	44.539.953.927	48.751.919.914
1. Hàng tồn kho	141		44.539.953.927	48.751.919.914
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		527.956.308	1.812.212.789
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	226.622.014	413.545.561
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		301.334.294	1.398.658.632
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	8.596
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		191.892.737.437	178.674.313.933
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.080.700.000	14.080.700.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.6	9.000.000.000	14.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	80.700.000	80.700.000
II. Tài sản cố định	220		68.765.813.704	71.373.540.002
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10a	19.041.009.078	21.648.735.376
- Nguyên giá	222		48.003.368.950	48.532.525.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.962.359.872)	(26.883.790.384)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10b	49.724.804.626	49.724.804.626
- Nguyên giá	228		49.724.804.626	49.724.804.626
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		96.881.479.701	73.990.054.548
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		96.881.479.701	73.990.054.548
IV. Tài sản dài hạn khác	260		17.164.744.032	19.230.019.383
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	7.912.510.957	8.420.274.298
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		107.429.603	51.152.765
3. Lợi thế thương mại	269	V.8	9.144.803.472	10.758.592.320
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		292.920.484.063	283.620.919.180



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.744.718.047	21.381.711.097
I. Nợ ngắn hạn	310		17.544.718.047	21.181.711.097
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.206.418.875	5.974.243.961
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	225.362.518	3.203.716.273
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.710.367.976	4.416.069.499
4. Phải trả người lao động	314		522.606.611	917.541.616
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		241.092.784	251.497.973
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	16.822.400	204.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	6.622.046.883	6.214.641.775
II. Nợ dài hạn	330		200.000.000	200.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	200.000.000	200.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.175.766.016	262.239.208.083
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	275.175.766.016	262.239.208.083
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.098.930.000	241.999.640.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.098.930.000	241.999.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.200.827.061	2.204.327.061
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.418.247.338	13.400.943.818
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		1.301.653.818	989.182.492
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		13.116.593.520	12.411.761.326
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.457.761.617	4.634.297.204
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		292.920.484.063	283.620.919.180

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Đào Thị Kim Oanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2025		Năm 2024	
					Năm 2025	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	36.247.102.946	38.763.219.474	103.060.433.670	128.490.909.275
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		104.735.977	55.097.851	346.177.902	151.389.641
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	36.142.366.969	38.708.121.623	102.714.255.768	128.339.519.634
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	26.484.760.350	30.740.344.206	80.372.810.503	106.952.151.562
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.657.606.619	7.967.777.417	22.341.445.265	21.387.368.072
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.867.474.430	611.938.798	7.017.630.490	1.486.849.557
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	626.885.570	568.230.210	1.794.982.128	1.619.352.172
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		106.028.645	161.510.594	342.028.759	708.829.670
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(537.769.670)	(815.268.912)	(1.608.574.847)	(1.719.422.725)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	1.076.615.758	1.223.338.965	3.204.658.237	3.695.378.987
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1.722.123.189	1.846.005.277	5.102.518.718	5.980.827.938
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		10.561.686.862	4.126.872.851	17.648.341.825	9.859.235.807
12. Thu nhập khác	31	VI.3	114.907.182	22.975	122.870.370	7.454.515
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.058.988	343.737	10.121.017	5.646.347
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		113.848.194	(320.762)	112.749.353	1.808.168

HN/ P 00 11.01

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2025		Năm 2024	
					Năm 2024	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.675.535.056	4.126.552.089	17.761.091.178	9.861.043.975
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	2.378.005.074	1.064.537.540	4.277.310.083	2.651.713.190
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(19.828.335)	(19.828.335)	37.297.177	(56.276.838)	554.718
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.317.358.317	3.024.717.372	13.540.057.933	7.208.776.067
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		8.113.288.125	2.896.687.434	13.116.593.520	6.970.141.441
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		204.070.192	128.029.938	423.464.413	238.634.626
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	319	114	516	274

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

ĐỒNG GIÁM ĐỐC



Đào Thị Kim Oanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.761.091.178	9.861.043.975
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10a	4.275.910.393	4.447.504.594
- Các khoản dự phòng	03		(11.061.195)	180.408.040
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.831.690	(4.205.950)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		942.630.331	884.368.066
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	342.028.759	708.829.670
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.320.431.156	16.077.948.395
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.033.140.460)	(1.854.713.609)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.211.965.987	(6.668.824.538)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(3.907.685.663)	(406.525.603)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		694.686.888	231.064.084
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.670.156.066)	(9.884.510.320)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(308.254.883)	(717.716.498)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.427.388.144)	(2.201.752.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.880.458.815	(5.425.030.779)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(62.245.790)	(1.031.435.166)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		41.481.363	7.394.387
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(38.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.000.000.000	22.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.500.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.628.623.287	1.826.688.885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.107.858.860	(15.197.351.894)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.500.000)	(3.500.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33		83.388.417.437	96.223.118.498
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(82.981.012.329)	(93.267.710.036)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(600.000.000)	(440.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(196.094.892)	2.511.908.462
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ kế toán	50		17.792.222.783	(18.110.474.211)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ kế toán	60		22.777.042.455	23.916.611.263
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ kế toán	70	V.1	40.569.265.238	5.806.137.052

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Đào Thị Kim Oanh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 08 năm 2025. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 254.098.930.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần nhựa Picomat	Số 413 Lê Trọng Tấn, P. Tân Sơn Nhì, TP Hồ Chí Minh.

Tổng số các Công ty con.

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 công ty con.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty Cổ phần Vật liệu Hài Đẳng	Thôn Cầu Liêu, Xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất vật liệu bằng nhựa	95%

Tổng số Công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Liên kết tại Công ty Cổ phần Nhựa Picomat

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày	37,78%	37,78%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, các sản phẩm từ plastics, thương mại nguyên liệu bột nhựa PVC và các phụ gia hóa chất ngành nhựa.

3. Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Không có.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- **Phải thu nội bộ** phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<p>4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)</p> <p>Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền</p> <p>Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.</p> <p>Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.</p>							
<p>5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)</p>							
<p>5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình</p>	<p>Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.</p> <p>Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.</p> <p>Xác định nguyên giá trong từng trường hợp</p> <p><i>Tài sản cố định hữu hình mua sắm</i></p> <p>Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.</p>						
<p>5.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình</p>	<p>Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.</p> <p><i>Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất</i></p> <p>Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).</p>						
<p>5.3. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính</p>	<p>Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.</p>						
<p>5.4. Phương pháp khấu hao TSCĐ</p>	<p>Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.</p> <p>Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:</p> <table><tr><td>Nhà cửa, vật kiến trúc</td><td>10 - 30 năm</td></tr><tr><td>Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng</td><td>5 - 10 năm</td></tr><tr><td>Phương tiện vận tải</td><td>7 - 8 năm</td></tr></table>	Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm	Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng	5 - 10 năm	Phương tiện vận tải	7 - 8 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm						
Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng	5 - 10 năm						
Phương tiện vận tải	7 - 8 năm						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm; công cụ dụng cụ; tiền thuê đất trả trước; Lợi thế thương mại ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay ... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó;
2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

15. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2025	01/01/2025
Tiền	4.588.073.048	676.206.870
Tiền mặt	4.588.073.048	676.206.870
Tiền gửi ngân hàng	17.279.349.341	22.100.835.585
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.279.349.341	22.100.835.585
Các khoản tương đương tiền	18.701.842.849	-
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	18.701.842.849	-
Cộng	40.569.265.238	22.777.042.455

(*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 3,6%/năm tại các Ngân hàng,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

30/09/2025						01/01/2025					
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	8.644.844.599	9.046.975.000	-	6.974.688.533	7.707.120.000	(11.061.195)					
CSM	-	-	-	775.801.958	927.000.000	-					
MBB	-	-	-	4.427.705.380	5.020.000.000	-					
VCG	7.925.248.785	8.310.000.000	-	-	-	-					
KHÁC	719.595.814	736.975.000	-	1.771.181.195	1.760.120.000	(11.061.195)					
	-	-	-	-	-	-					
Cộng	8.644.844.599	9.046.975.000	-	6.974.688.533	7.707.120.000	(11.061.195)					

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

30/09/2025				01/01/2025			
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc		Giá trị ghi sổ		
Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	-	23.000.000.000		-		
Cộng	2.000.000.000	-	23.000.000.000		-		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)
- c. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết	97.500.000.000	56.881.479.701	73.000.000.000	73.990.054.548
Công ty cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	97.500.000.000	56.881.479.701	73.000.000.000	73.990.054.548
Cộng	97.500.000.000	56.881.479.701	73.000.000.000	73.990.054.548

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/09/2025 như sau:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty liên kết				
Liên kết tại Công ty Cổ phần Nhựa Picomat				
Công ty cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Hà Nội	28,27%	28,27%	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Liên kết thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng (*)				
Công ty cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Hà Nội	9,51%	9,51%	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày

(*) Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng đã thực hiện hoàn thành giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand vào tháng 1/2025.

Căn cứ vào Biên bản họp số: 01/2025/BB-HĐQT ngày 06/01/2025 và Nghị quyết số: 31/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025 thông qua việc mua lại cổ phần của các cổ đông đang sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand. Tổng số giá trị giao dịch dự kiến: 24.500.000.000 đồng, thời gian thực hiện mua: Trong tháng 1/2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng				
	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	4.491.565.942	-	168.394.410	-
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ ván gỗ công nghiệp Thuận Phát	293.504.196	-	162.147.340	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại và xuất nhập khẩu Thành Mịch	301.213.711	-	-	-
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Hoàng Tiến	514.605.808	-	-	-
Khách hàng khác	3.382.242.227	-	6.247.070	-
Cộng	4.491.565.942	-	168.394.410	-
4. Trả trước cho người bán				
	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	211.502.593	-	459.976.969	-
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Minh Đức	-	-	322.518.053	-
Công ty TNHH cơ kim khí Huy Thành	60.000.000	-	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	151.502.593	-	137.458.916	-
Cộng	211.502.593	-	459.976.969	-
5. Phải thu khác				
	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	42.658.019	-	1.013.431.372	-
Lãi dự thu	36.679.803	-	1.013.301.372	-
Tạm ứng	4.000.000	-	130.000	-
Phải thu khác	1.978.216	-	-	-
Cộng	42.658.019	-	1.013.431.372	-
Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	11.890.411	-	20.835.616	-
Cộng	11.890.411	-	20.835.616	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác (tiếp theo)					
Dài hạn		30/09/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Ký quỹ, ký cược	80.700.000	-	80.700.000	-
	Cộng	80.700.000	-	80.700.000	-
6. Phải thu về cho vay dài hạn					
		30/09/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	9.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	Cộng	9.000.000.000	-	14.000.000.000	-
7. Hàng tồn kho					
		30/09/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Hàng mua đang đi đường	-	-	1.779.066.864	-
	Nguyên liệu, vật liệu	28.964.306.458	-	35.542.798.486	-
	Công cụ, dụng cụ	1.172.299.245	-	48.410.768	-
	Thành phẩm	11.976.294.100	-	9.773.546.748	-
	Hàng hoá	2.427.054.124	-	1.608.097.048	-
	Cộng	44.539.953.927	-	48.751.919.914	-
8. Lợi thế thương mại					
			9 tháng đầu năm 2025	Năm 2024	
Tại ngày đầu kỳ			10.758.592.320	12.910.310.784	
Phân bổ trong kỳ			1.613.788.848	2.151.718.464	
Tại ngày cuối kỳ			9.144.803.472	10.758.592.320	
9. Chi phí trả trước					
			30/09/2025	01/01/2025	
a. Ngắn hạn			226.622.014	413.545.561	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng			226.622.014	413.545.561	
b. Dài hạn			7.912.510.957	8.420.274.298	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng			83.789.638	225.286.705	
Quyền sử dụng mặt bằng (*)			7.589.803.812	7.763.174.970	
Chi phí trả trước dài hạn khác			238.917.507	431.812.623	
Cộng			8.139.132.971	8.833.819.859	

(*) Quyền sử dụng mặt bằng là quyền sử dụng diện tích sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, Mễ Trì Thượng, Phường Từ Liêm, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10a. Thuyết minh TSCĐ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	5.660.225.077	35.254.782.024	2.150.620.000	1.151.549.944	4.315.348.715	48.532.525.760
Tăng trong kỳ	-	62.245.790	-	-	-	62.245.790
Thanh lý, nhượng bán	-	(591.402.600)	-	-	-	(591.402.600)
Số dư tại ngày 30/09/2025	5.660.225.077	34.725.625.214	2.150.620.000	1.151.549.944	4.315.348.715	48.003.368.950
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	789.692.670	21.047.740.029	1.349.001.381	719.144.391	2.978.211.913	26.883.790.384
Trích khấu hao trong kỳ	141.505.623	1.822.714.396	141.781.365	113.611.626	442.508.535	2.662.121.545
Thanh lý, nhượng bán	-	(583.552.057)	-	-	-	(583.552.057)
Số dư tại ngày 30/09/2025	931.198.293	22.286.902.368	1.490.782.746	832.756.017	3.420.720.448	28.962.359.872
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại ngày 01/01/2025	4.870.532.407	14.207.041.995	801.618.619	432.405.553	1.337.136.802	21.648.735.376
Số dư tại ngày 30/09/2025	4.729.026.784	12.438.722.846	659.837.254	318.793.927	894.628.267	19.041.009.078

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.729.026.784 VND

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.735.074.644 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10b. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2025	49.724.804.626	49.724.804.626
Số dư tại ngày 30/09/2025	49.724.804.626	49.724.804.626
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 01/01/2025	49.724.804.626	49.724.804.626
Số dư tại ngày 30/09/2025	49.724.804.626	49.724.804.626

Giá trị của tài sản cố định vô hình: 49.724.804.626 VND đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay.

(*) Quyền sử dụng đất tại 30/09/2025 gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 1, lô A8 Khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa 8A + 8B, lô G5 thuộc khu A, khu nhà ở Anh Dũng IV, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

11. Phải trả người bán

	30/09/2025	01/01/2025
Ngắn hạn	5.206.418.875	5.974.243.961
OKU CO.,LTD	1.637.007.400	1.574.209.886
Shenyang Bailichang Science And Technology Co., ltd	938.568.540	1.830.218.130
MARUBENI CORPORATION	1.815.253.440	-
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Đức	494.509.496	-
Phải trả cho các đối tượng khác	321.079.999	2.569.815.945
Cộng	5.206.418.875	5.974.243.961

12. Người mua trả tiền trước

	30/09/2025	01/01/2025
Ngắn hạn	225.362.518	3.203.716.273
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Hoàng Tiến	-	1.690.521.707
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Tùng Bách	108.644.244	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Linh Mơ	16.000.000	756.724.899
Các đối tượng khác	100.718.274	756.469.667
Cộng	225.362.518	3.203.716.273

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ	30/09/2025
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	37.526.253	686.649.940	246.755.418	477.420.775
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.913.823.649	3.913.823.649	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	81.237.692	81.237.692	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.377.388.144	4.277.310.083	4.427.388.144	4.227.310.083
Thuế Thu nhập cá nhân	1.155.102	102.311.500	97.829.484	5.637.118
Lệ phí môn bài	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	4.416.069.499	9.072.332.864	8.778.034.387	4.710.367.976
b. Phải thu				
Thuế TNCN	8.596	8.596	-	-
Cộng	8.596	8.596	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Phải trả khác

	30/09/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn	16.822.400	204.000.000
Kinh phí công đoàn	16.376.000	-
Phải trả, phải nộp khác	446.400	204.000.000
b. Dài hạn	200.000.000	200.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	200.000.000	200.000.000
Cộng	216.822.400	214.532.600

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2025		Trong kỳ		30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (*)	-	-	15.113.100.995	15.113.100.995	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	6.214.641.775	6.214.641.775	43.126.304.474	47.542.056.255	1.798.889.994	1.798.889.994
Công ty cổ phần Chứng khoán VPS (**)	-	-	25.149.011.968	20.325.855.079	4.823.156.889	4.823.156.889
Cộng	6.214.641.775	6.214.641.775	83.388.417.437	82.981.012.329	6.622.046.883	6.622.046.883

(*) Khoản vay tại các Ngân hàng được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng hạn mức, gốc vay có kỳ hạn dưới 12 tháng. Lãi suất vay Ngân hàng được quy định theo từng lần vay và các khoản vay được đảm bảo bằng nhà cửa vật kiến trúc, Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(**) Khoản vay tại Công ty cổ phần chứng khoán VPS là tài sản hình thành từ vốn vay theo Khoản giao dịch ký quỹ theo số tài khoản mở tại VPS.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	219.999.900.000	2.207.827.061	22.958.922.492	4.628.923.894	249.825.573.447
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	6.970.141.441	238.634.626	7.208.776.067
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(21.999.740.000)	-	(21.999.740.000)
Phát hành thêm cổ phiếu	21.999.740.000	(3.500.000)	-	-	21.996.240.000
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	(440.000.000)	(440.000.000)
Số dư tại ngày 30/09/2024	241.999.640.000	2.204.327.061	7.959.323.933	4.427.558.520	256.590.849.514
Số dư tại ngày 01/01/2025	241.999.640.000	2.204.327.061	13.410.943.818	4.634.297.204	262.239.208.083
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	13.116.593.520	423.464.413	13.540.057.933
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(12.099.290.000)	-	(12.099.290.000)
Phát hành thêm cổ phiếu (*)	12.099.290.000	(3.500.000)	-	-	12.095.790.000
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Số dư tại ngày 30/09/2025	254.098.930.000	2.200.827.061	14.418.247.338	4.457.761.617	275.175.766.016

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14.04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và Quyết định số: 07/2025/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 26/06/2025 thông qua việc triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu. Công ty đã thực hiện phát hành phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 và đã nhận được Quyết định số 1039/QĐ-SGDHN cấp ngày 28/08/2025 về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa Picomat.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/09/2025	01/01/2025
Đỗ Thanh Hải	21,50%	54.631.500.000	52.030.000.000
Cổ đông khác	78,50%	199.467.430.000	189.969.640.000
Cộng	100,00%	254.098.930.000	241.999.640.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
Vốn góp của chủ sở hữu	241.999.640.000	219.999.900.000
Vốn góp đầu kỳ	241.999.640.000	219.999.900.000
Vốn góp tăng trong kỳ	12.099.290.000	21.999.740.000
Vốn góp cuối kỳ	254.098.930.000	241.999.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.099.290.000	21.999.740.000

d. Cổ phiếu

	30/09/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.409.893	24.199.964
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.409.893	24.199.964
Cổ phiếu phổ thông	25.409.893	24.199.964
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.409.893	24.199.964
Cổ phiếu phổ thông	25.409.893	24.199.964
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
a. Doanh thu			
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm		102.380.754.086	127.847.562.085
Doanh thu cung cấp dịch vụ		679.679.584	643.347.190
Cộng		103.060.433.670	128.490.909.275
b. Các khoản giảm trừ doanh thu			
Hàng bán bị trả lại		346.177.902	151.389.641
Cộng		346.177.902	151.389.641
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Doanh thu thuần bán hàng hoá, thành phẩm		102.034.576.184	127.696.172.444
Doanh thu cung cấp dịch vụ		679.679.584	643.347.190
Cộng		102.714.255.768	128.339.519.634
3. Giá vốn hàng bán			
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán		80.279.416.792	106.855.527.851
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		93.393.711	96.623.711
Cộng		80.372.810.503	106.952.151.562
4. Doanh thu hoạt động tài chính			
Lãi tiền gửi, lãi cho vay		809.580.027	926.517.019
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		84.989.495	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-	58.556.580
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán		6.123.060.968	501.775.958
Cộng		7.017.630.490	1.486.849.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí tài chính

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
Chi phí lãi vay	342.028.759	708.829.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.115.400	177.046.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.831.690	-
Lỗ hoạt động đầu tư chứng khoán	1.403.006.279	553.067.907
Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	180.408.040
Cộng	1.794.982.128	1.619.352.172

6. Chi phí bán hàng

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân viên	1.189.744.311	1.744.198.225
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	63.502.735	20.694.278
Chi phí khấu hao TSCĐ	495.564.768	469.270.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.437.931.423	1.446.823.323
Các khoản chi phí khác	17.915.000	14.392.266
Cộng	3.204.658.237	3.695.378.987

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân viên quản lý	1.502.552.409	2.224.200.746
Chi phí đồ dùng văn phòng	173.964.256	328.888.211
Chi phí khấu hao TSCĐ	269.769.501	268.936.385
Thuế, phí, lệ phí	221.456.310	316.592.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.227.191.046	1.181.126.813
Chi phí bằng tiền khác	93.796.348	47.294.500
Phân bổ lợi thế thương mại	1.613.788.848	1.613.788.848
Cộng	5.102.518.718	5.980.827.938

8. Thu nhập khác

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
Thanh lý, nhượng bán	114.889.545	7.394.387
Các khoản khác	7.980.825	60.128
Cộng	122.870.370	7.454.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí khác

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
Các khoản khác	10.121.017	5.646.347
Cộng	10.121.017	5.646.347

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.277.310.083	2.651.713.190
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.277.310.083	2.651.713.190

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.116.593.520	6.970.141.441
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.116.593.520	6.970.141.441
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.409.893	25.409.893
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	516	274

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

I. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể

3. *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

4. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30/09/2025

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	6.622.046.883	-	6.622.046.883
Phải trả người bán	5.206.418.875	-	5.206.418.875
Các khoản phải trả khác	-	200.000.000	200.000.000
Chi phí phải trả	241.092.784	-	241.092.784
Cộng	12.069.558.542	200.000.000	12.269.558.542

Tại ngày 01/01/2025

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	6.214.641.775	-	6.214.641.775
Phải trả người bán	5.974.243.961	-	5.974.243.961
Các khoản phải trả khác	-	200.000.000	200.000.000
Chi phí phải trả	251.497.973	-	251.497.973
Cộng	12.440.383.709	200.000.000	12.640.383.709

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng (Xem thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	30/09/2025		01/01/2025		30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính								
- Tiền và các khoản tương đương tiền	40.569.265.238	-	22.777.042.455	-	40.569.265.238	-	22.777.042.455	
- Chứng khoán kinh doanh	8.644.844.599	-	6.974.688.533	(11.061.195)	8.644.844.599		6.963.627.338	
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	23.000.000.000	-	2.000.000.000	-	23.000.000.000	
- Phải thu khách hàng	4.491.565.942	-	168.394.410	-	4.491.565.942	-	168.394.410	
- Phải thu về cho vay dài hạn khác	9.000.000.000	-	14.000.000.000	-	9.000.000.000	-	14.000.000.000	
- Phải thu khác	119.358.019	-	1.094.001.372	-	119.358.019	-	1.094.001.372	
TỔNG CỘNG	64.825.033.798	-	68.014.126.770	(11.061.195)	64.825.033.798		68.003.065.575	
Nợ phải trả tài chính								
- Vay và nợ	6.622.046.883	-	6.214.641.775	-	6.622.046.883	-	6.214.641.775	
- Phải trả người bán	5.206.418.875	-	5.974.243.961	-	5.206.418.875	-	5.974.243.961	
- Chi phí phải trả	241.092.784	-	251.497.973	-	241.092.784	-	251.497.973	
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200.000.000	-	200.000.000	-	200.000.000	-	200.000.000	
TỔNG CỘNG	12.269.558.542	-	12.640.383.709	-	12.269.558.542		12.640.383.709	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 và cho kỳ kế toán tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, Công ty có số dư và/ hoặc giao dịch với các bên liên quan sau đây:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đỗ Mạnh Tú	Cổ đông công ty, người có liên quan của người nội bộ (ông Đỗ Thanh Hải và ông Đỗ Hải Đăng)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Công ty liên kết

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Tại ngày 30/09/2025	Tại ngày 01/01/2025
Đầu tư vào công ty liên kết	97.500.000.000	73.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	97.500.000.000	73.000.000.000
Phải thu về cho vay	9.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	9.000.000.000	14.000.000.000
Lãi dự thu từ cho vay	11.890.411	20.835.616
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	11.890.411	20.835.616
Phải trả khác	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	200.000.000	200.000.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	613.800.000	613.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	613.800.000	613.800.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	613.800.000	613.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	613.800.000	613.800.000
Cho vay dài hạn	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	-	15.000.000.000
Thu tiền cho vay	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	5.000.000.000	-
Phải thu từ lãi cho vay	581.842.466	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	581.842.466	16.027.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo):

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
Lãi cho vay đã thu	590.787.671	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	590.787.671	-
Mua hàng hóa dịch vụ	91.108.000	215.852.000
Ông Đỗ Mạnh Tú	52.500.000	70.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	38.608.000	145.352.000
Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	91.108.000	215.852.000
Ông Đỗ Mạnh Tú	52.500.000	70.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	38.608.000	145.352.000

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Đào Thị Kim Oanh